

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 60/2023/HNGĐ-ST

Ngày 15 tháng 8 năm 2023

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quang Dương

2. Ông Phạm Trọng Thứ

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 119/2023/TB-TLVA ngày 30 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/7/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị C, sinh năm 1979

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh Đàm Văn D, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Chị C, anh D có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn là chị Lê Thị C có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại phiên tòa như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đàm Văn D có tự do tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 10/7/2003 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng vào Bình Dương làm ăn đến đầu năm 2008 vợ chồng chuyển về xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình sinh sống. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do khó khăn về kinh tế gia đình, anh D không quan tâm hỏi han gì đến chị. Khoảng

tháng 9 năm 2022 chị và cháu T đi vào trong Đà Lạt chữa bệnh (chị bị bệnh tim) anh D có điện thoại cho bố mẹ để chị ở bên Hải Dương và nói chị bỏ đi theo trai. Khi mâu thuẫn giữa vợ chồng xảy ra vợ chồng đã nhiều lần ngồi nói chuyện với nhau nhưng không đạt được kết quả. Từ tháng 9 năm 2022 vợ chồng tuy sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm hỏi han gì đến nhau, vợ chồng chị đã ngủ riêng, không còn quan hệ chuyện vợ chồng với nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị xin được hôn với anh Đàm Văn D.

Vợ chồng có 02 con chung là Đàm Lê Văn T, sinh ngày 08/01/2004 và Đàm Lê Thanh Th, sinh ngày 15/4/2007. Hiện con T đã trưởng thành, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con Đàm Lê Thanh Th chị nhất trí để con Th cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Tại bản tự khai và biên bản hoà giải chị nhận góp tiền cấp dưỡng nuôi con Th cho anh D là 1.500.000đ/tháng. Tuy nhiên tại phiên toà, chị đề nghị Toà án không buộc chị phải cấp dưỡng nuôi con Th vì lý do chị phải điều trị bệnh và phải chu cấp cho con T học đại học trong khi lương công nhân của chị chỉ khoảng từ 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng/tháng. Hiện chị không có thai nghén gì.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị C trình bày vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản, vợ chồng không có nợ chung nên chị không yêu cầu giải quyết.

- *Tại bản tự khai ngày 08/6/2023, phiên hòa giải, các tài liệu chứng cứ đã xuất trình và tại phiên toà, anh Đàm Văn D trình bày như sau:*

Về hôn nhân: Anh xác nhận lời trình bày của Chị C về thời gian, hoàn cảnh kết hôn là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng vào Bình Dương làm ăn, đến khoảng cuối năm 2007 vợ chồng đã về thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình sinh sống. Quá trình chung sống giữa vợ chồng anh thấy vợ chồng không có mâu thuẫn gì với nhau. Khoảng đầu tháng 9 năm 2022 Chị C và con trai lớn vào trong Đà Lạt (anh không biết Chị C và con vào trong đó để làm gì), khi về nhà Chị C đã thay đổi hoàn toàn tính cách. Ngày 20/11/2022 Chị C tiếp tục bỏ đi vào trong Đà Lạt 10 ngày, khi trở về anh có gắng hỏi lý do thì Chị C nói vào Đà Lạt để chữa bệnh, anh có động viên khuyên bảo Chị C đi lên Hà Nội khám bệnh nhưng Chị C cương quyết không nghe. Chị C nói vợ chồng hết duyên, hết nợ và đề nghị anh bán nhà để chia tài sản. Từ đầu tháng 9 năm 2022 khi anh muốn gần gũi nhưng Chị C không đồng ý và tự mang chăn chiếu lên tầng 2 ngủ riêng, vợ chồng anh không còn quan hệ chuyện chăn gối với nhau nữa. Nhận thấy Chị C thay đổi và đề nghị ly hôn, anh đã nhờ gia đình bên nội động viên Chị C suy nghĩ lại nhưng Chị C cương quyết không nghe.

Nay Chị C làm đơn ly hôn anh thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, ngoài ra anh muốn hai con có cả bố và mẹ nên anh không đồng ý ly hôn với chị C.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đàm Lê Văn T, sinh ngày 08/01/2004 và Đàm Lê Thanh Th, sinh ngày 15/4/2007. Trường hợp Chị C cương quyết ly hôn anh xin được nuôi dưỡng con Th và yêu cầu Chị C góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh với mức 1.500.000 đồng/tháng như mức Chị C đã tự nguyện nhận tại phiên hoà giải. Lý do anh yêu cầu Chị C góp tiền cấp dưỡng là vì bản thân anh hiện thu nhập thấp (chỉ khoảng 3.500.000 đồng/tháng do đang trong thời gian nghỉ chờ việc), sức khoẻ của anh ngày càng yếu, hay bị mất ngủ, căng thẳng về thần kinh do suy nghĩ chuyện gia đình.

Đối với con Đàm Lê Văn T đã đủ tuổi trưởng thành, anh không yêu cầu Toà án giải quyết. Anh cam đoan sẽ vẫn có trách nhiệm cùng Chị C hỗ trợ cho con T học đại học.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh D không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Tại biên bản lấy lời khai của con chung Đàm Lê Thanh Th ngày 25/7/2023 và tại phiên toà thể hiện:* Cháu Th có nguyện vọng ở cùng với bố là anh Đàm Văn D. Trường hợp anh D không nhận nuôi dưỡng cháu thì cháu Th xin ở với mẹ là chị Lê Thị C.

- *Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng* Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị C, xử cho Chị C được ly hôn anh Đàm Văn D; đề nghị giao con chung Đàm Lê Thanh Th, sinh ngày 15/4/2007 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, buộc Chị C phải có trách nhiệm góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh D là 1.500.000 đồng/tháng; không đặt trách nhiệm nuôi dưỡng đối với con chung Đàm Lê Văn T vì đã trên 18 tuổi; đề nghị không giải quyết về quan hệ tài sản do các đương sự không yêu cầu. Ngoài ra còn đề nghị về nghĩa vụ án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị Lê Thị C và anh Đàm Văn D là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân huyện

Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân, con cái. Vì vậy đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, hôn nhân của chị Lê Thị C và anh Đàm Văn D được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn và chung sống được khoảng 9 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Từ tháng 9/2022 anh chị tuy sống chung nhà nhưng không sinh hoạt vợ chồng, không chia sẻ với nhau. Nay Chị C cương quyết xin ly hôn, anh D không nhất trí nhưng không đưa ra được biện pháp nào để hóa giải mâu thuẫn vợ chồng. Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử cần xử cho Chị C được ly hôn anh D là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị C, anh D đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là: Đàm Lê Văn T, sinh ngày 08/01/2004 và Đàm Lê Thanh Th, sinh ngày 15/4/2007. Hai con chung hiện ở cùng vợ chồng. Con T đã trên 18 tuổi Chị C, anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con Đàm Lê Thanh Th, Chị C và anh D thống nhất trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, con Th sẽ do anh D trực tiếp nuôi dưỡng, bản thân con Th cũng có nguyện vọng ở với bố. Do đó Hội đồng xét xử cần thuận theo nguyện vọng của Chị C, anh D và con chung, giao con Th cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con Th: Tại phiên toà Chị C đề nghị nếu anh D vẫn nhận nuôi con Th, chị xin rút lại mức cấp dưỡng nuôi con Th là 1.500.000 đồng/tháng, đề nghị Toà án không buộc chị phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con Th vì các lý do chị đã trình bày ở trên. Tuy nhiên xét thấy nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên của cha/mẹ không trực tiếp nuôi con đã được Luật Hôn nhân và gia đình quy định cụ thể, bản thân Chị C có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, cao hơn mức thu nhập của anh D. Do đó Chị C phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con Th cho anh D theo mức 1.500.000 đồng/tháng là phù hợp. Chị C được quyền thăm nom con chung. Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị C và anh D đều không yêu cầu Toà án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị C phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị C được ly hôn anh Đàm Văn D.

2. Về quan hệ con chung: Xử cho anh Đàm Văn D được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đàm Lê Thanh Th, sinh ngày 15/4/2007. Chị Lê Thị C có nghĩa vụ góp tiền cấp dưỡng nuôi con Đàm Lê Thanh Th cho anh D là 1.500.000 đồng (*một triệu năm trăm nghìn đồng*)/tháng kể từ tháng 8/2023 cho đến khi con Thanh Th đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật. Chị C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Đối với con Đàm Lê Văn T, sinh ngày 08/01/2004 đã trên 18 tuổi, Chị C và anh D không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị C phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con. Số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) Chị C đã nộp tại biên lai số 0005849 ngày 30/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình được chuyển sang thi hành tiền án phí. Chị C còn phải nộp tiếp 300.000 (*ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị C và anh Đàm Văn D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/8/2023)/.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- UBND xã A(nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lê Thị Phụng